TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2017
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Đình Mùi
Ông Hà Văn Tý
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Hoa Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên V tham gia phiên toà:* Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 270/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21 /2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1977;

Bị đơn: Chị Triệu Thị Ch, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Triệu Văn Đ trình bày: Anh Đ và chị Triệu Thị Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đến Ủy ban nhân dân xã N để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Năm 2016 cuộc sống chung nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Ch thường xuyên bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, không còn chung sống với anh nữa. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có hai con chung là Triệu Thị D, sinh ngày 23/9/1998 đã trưởng thành và Triệu Nguyên Nh, sinh ngày 31/12/2002. Khi ly hôn anh nhận nuôi cháu Nh, không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Triệu Thị Ch trình bày: Việc chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn đúng như anh Đ trình bày, cuộc sống chung hạnh phúc cho tới năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

tính cách không hợp nhau và anh Đ cũng đã bỏ chị để đi theo một người phụ nữ khác về nhà đánh đập chị, nay anh Đ xin ly hôn thì chị Ch đồng ý vì không thể tiếp sống chung với anh Đ được nữa.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Triệu Thị D, sinh ngày 23/9/1998 đã trưởng thành, đã có công việc làm và thu nhập đảm bảo được cuộc sống nên không yêu cầu giải quyết và cháu Triệu Nguyên Nh, sinh ngày 31/12/2002, hiện đang học lớp 10. Nay anh Đ nhận nuôi cháu Nh và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con thì tôi đồng ý.

Theo bản tự khai của cháu Triệu Nguyên Nh ngày 04/11/2017 cháu Nh có nguyện vọng ở với bố để được chăm sóc và cho đi học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nội dung: Anh Đ và chị Ch sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nay anh Đ và chị Ch đều yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân này nên đề nghị Tòa án không công nhận anh Triệu Văn Đ và chị Triệu Thị Ch là vợ chồng. Về con chung đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng người con Triệu Nguyên Nh, chị Ch không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Hội đồng xét xử theo quy định tại điều 28, 35 và 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy anh Đ và chị Ch tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1997 cho đến nay, đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Triệu Văn Đ và chị Triệu Thị Ch không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng; giải quyết việc nuôi con theo quy định tại các điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Theo biên bản hòa giải ngày 11/12/2017 và tại phiên tòa Anh Đ và chị Ch giữ nguyên thỏa thuận. Anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng người con Triệu Nguyên Nh, không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy nội dung các đương sự thỏa thuận là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Triệu Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Triệu Văn Đ và chị Triệu Thị Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Triệu Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con Triệu Nguyên Nh, sinh ngày 31/12/2002. Chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Triệu Thị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Triệu Văn Đ phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2013/03993 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái, anh Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục T.H.ADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Trung Sơn